

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 67/2019/HS-ST
Ngày: 21-6-2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Xuân Thanh

Ông Nguyễn Văn L

- Thư ký phiên tòa: Ông L Văn Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ L số 63/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2019/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lương Văn Kh, sinh ngày 23/8/1987 tại xã Chiêu L, huyện KS, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Bản HT, xã Chiêu L, huyện KS, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa 1/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn D (chết) và bà Kha Thị D, sinh năm 1963; vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 23/01/2019 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Vi Thị L, sinh ngày 20/02/1973 tại xã YN, huyện TD, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Bản NK, xã YN, huyện TD, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 1/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Hoài D (chết) và bà Kha Thị Th (chết); có chồng Lương Văn P và 02 con;

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 23/01/2019 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Vi Thị L: Luật sư Nguyễn Trọng Đ - Văn phòng luật sư TĐ - Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An. Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp L nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn Kh: Luật sư Dương Hữu D -Văn phòng luật sư DS và cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An. Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp L nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Bị hại: Chị Lữ Thị Q, sinh năm 1967; nơi cư trú: Bản HX, xã YN, huyện TD, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 5/2014, bà Kha Thị D đã lấy chồng và sinh sống ở Trung Quốc là mẹ đẻ của Lương Văn Kh gọi điện nói với Lương Văn Kh tìm người đưa sang Trung Quốc cho bà Kha Thị D bán cho đàn ông Trung Quốc làm vợ và sẽ trả tiền công từ 40 đến 50 triệu đồng, Lương Văn Kh đồng ý. Khoảng mấy ngày sau Vi Thị L đến nhà Kh để đưa tiền cảm ơn mẹ của Lương Văn Kh đã đưa mẹ của Vi Thị L từ Trung quốc về Việt Nam. Khi đi L gặp chị Lữ Thị Q, sinh năm 1967, trú tại Bản HX, xã YN, huyện TD, tỉnh Nghệ An. Chị Q, nhờ Vi Thị L chở ra xã Lưu Kiền huyện TD để đi bán quần áo thuê. Khi đi đến xã Lưu Kiền, huyện TD, chị Q không đi xuống bán quần áo mà đi cùng đến nhà Lương Văn Kh. Khi đến nhà Kh, L đi vào nhà gặp và đưa cho Kh 3.000.000 đồng còn Q đứng ngoài đường chờ. Sau khi nhận tiền Lương Văn Kh rủ Vi Thị L đi tìm người để Lương Văn Kh đưa sang Trung Quốc bán, mỗi người Vi Thị L tìm được Kh sẽ trả cho L từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng. Vi Thị L đồng ý đi tìm người cho Lương Văn Kh để đưa đi Trung Quốc bán.

Sau khi thoả thuận với Lương Văn Kh xong, L đi ra chở chị Q về nhà, trên đường về L nói với chị Q đừng đi bán quần áo thuê nữa mà rủ sang Trung Quốc lấy chồng, nếu đồng ý thì sẽ được 35 triệu đồng, lấy chồng khoảng 12 tháng thì cho về Việt Nam. Do điều kiện khó khăn, chị Q cần tiền để trả nợ Ngân hàng nên đồng ý, L hẹn chị Q lúc nào chọn được ngày đẹp sẽ đi. Sau khi rủ được chị Q, Vi Thị L gọi điện thoại cho Lương Văn Kh nói với Kh là đã tìm được chị Q. Kh đồng ý trả cho chị Q 35 triệu đồng và hứa trả cho L 20 triệu đồng tiền công, hẹn 3 ngày sau Vi Thị L đưa chị Q ra thị trấn HB để Lương Văn Kh đưa chị Q đi Trung Quốc bán.

Đến ngày hẹn, Vi Thị L đến nhà đón Lữ Thị Q đi ra thị trấn Hòa Bình giao chị Q cho Lương Văn Kh. Sau đó Lương Văn Kh đón xe đưa chị Q xuống thành phố Vinh rồi đón xe chạy tuyến Vinh đi Móng Cái, Quảng Ninh để đưa chị Q sang Trung Quốc. Khi sang đến Trung quốc, Kh đón xe đưa chị Q đi khoảng 2 ngày 2 đêm đến một bến xe ở Trung Quốc (Kh và chị Q không rõ địa chỉ) thì Kha Thị D (mẹ của Lương Văn Kh) đưa về nhà thuộc tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc. Ở nhà Kha Thị D được 2 ngày, Dân bán chị Lữ Thị Q cho một người đàn ông Trung Quốc bị tàn tật với giá 2,5 vạn nhân dân tệ (khoảng 75 triệu đồng tiền Việt Nam) làm vợ. Khoảng 2 ngày sau chị Lữ Thị Q điện thoại cho Kha Thị D nói không đồng ý lấy người đàn ông tàn tật này và nói đưa chị Q về Việt Nam. Kha Thị D đón chị Q về sau đó giao chị Q cho Lô Thị A, Lô Thị Th quê quán ở xã YH, huyện TD (hiện đang sinh sống ở Trung Quốc). Lô Thị A, Lô Thị Th bán chị Lữ Thị Q cho Lui

Xiêng Thông, sinh năm 1967, ở tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc (không xác định được số tiền A và Th bán Q) sau đó Th đưa cho chị Q 30.000.000 đồng để chị Q gửi về cho gia đình. Lữ Văn Kh, Vi Thị L chưa được chia tiền như đã hứa. Đến tháng 6/2016, chị Lữ Thị Q trốn về Việt Nam.

Ngày 21/01/2019, chị Lữ Thị Q viết đơn tố cáo Lương Văn Kh, Vi Thị L đến cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện TD, tỉnh Nghệ An.

Tại cơ quan điều tra Lương Văn Kh, Vi Thị L thành khẩn khai nhận đầy đủ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về dân sự: Bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 35.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 87/VKS-P2 ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Lương Văn Kh, Vi Thị L về tội “Mua bán người” theo điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An sau khi đánh giá các chứng cứ, phân tích tính chất nghiêm trọng của vụ án, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố về tội danh, khung hình phạt đối với bị cáo.

Đề nghị Hội đồng: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt Lương Văn Kh từ 06 năm tù đến 07 năm tù; xử phạt Vi Thị L từ 05 năm tù đến 06 năm tù.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Không chấp nhận yêu cầu bồi thường của bị hại vì bị hại có lỗi đồng ý để các bị cáo đưa đi Trung Quốc lấy chồng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Luật sư Dương Hữu D bào chữa cho bị cáo Lương Văn Kh không tranh luận về phần tội danh, khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố và xét xử. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ như khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa lớp 1, sống ở vùng điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế nên phạm tội thuộc trường hợp do lạc hậu; bị hại cũng có lỗi vì mong muốn bị cáo đưa sang Trung Quốc lấy chồng để kiếm thu nhập. Tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức án thấp hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Về trách nhiệm dân sự: Đồng ý với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa không buộc bị cáo phải bồi thường.

Luật sư Nguyễn Trọng Đ bào chữa cho bị cáo Vi Thị L: Bị cáo Vi Thị L phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ như khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bố bị cáo

được tặng thưởng Huân chương kháng chiến; bị cáo đã tác động để gia đình bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo mức án dưới khung hình phạt liền kề.

Về trách nhiệm dân sự: Xem xét theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Lương Văn Kh, Vi Thị L nhất trí với ý kiến của luật sư và không có ý kiến gì tranh luận thêm.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Lương Văn Kh và Vi Thị L đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 35.000.000 đồng.

Bị hại: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền tổn thất về tinh thần 35.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Lương Văn Kh, Vi Thị L thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng đầu tháng 5/2014, bị cáo Lương Văn Kh, Vi Thị L đã bàn bạc và đưa chị Lữ Thị Q sinh năm 1967, trú tại Bản HX, xã YN, huyện TD, tỉnh Nghệ An sang tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc giao cho Kha Thị D là mẹ của Lương Văn Kh để bán cho người đàn ông Trung Quốc làm vợ với giá 2,5 vạn nhân dân tệ (khoảng 75 triệu đồng tiền Việt Nam). Sau đó, Lô Thị A, Lô Thị Th lại bán chị Lữ Thị Q cho Lui Xiêng Thông, sinh năm 1967, ở tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc và chị Lữ Thị Q được trả 30.000.000 đồng, Lương Văn Kh, Vi Thị L chưa được hưởng lợi từ việc bán chị Lữ Thị Q.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Lương Văn Kh, Vi Thị L đã phạm vào tội “Mua bán người” với tình tiết định khung là “để đưa ra nước ngoài” nên đã phạm vào điểm đ khoản 2 điều 119 của Bộ luật hình sự năm 1999. Hành vi phạm tội của các bị cáo Lương Văn Kh, Vi Thị L thực hiện trước khi Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực và việc áp dụng điều khoản tại Bộ luật hình sự năm 1999 để truy tố là có lợi hơn cho các bị cáo. Do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố các bị cáo với tội danh và khung hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Lương Văn Kh và Vi Thị L là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Các bị cáo đã lợi dụng hoàn cảnh khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế, với mong muốn tìm kiếm thu nhập của bị hại đã gặp gỡ, rủ rê đưa đi sang Trung Quốc giao cho mẹ của bị cáo Kh là Kha Thị D bán cho người đàn ông Trung Quốc làm vợ để lấy tiền. Hành vi phạm tội của các bị cáo Lương Văn Kh và Vi Thị L không chỉ xâm phạm danh dự, nhân phẩm và quyền tự do của người phụ nữ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, gây tâm L lo lắng trong nhân dân. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố tình thực hiện tội phạm nhằm mục đích vụ lợi.

Vụ án thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, bị cáo Lương Văn Kh là người rủ rê bị cáo Vi Thị L tìm người đưa sang Trung Quốc để bán để lấy tiền công và bị cáo Kh cũng là người trực tiếp đưa bị hại sang Trung Quốc nên bị cáo Kh phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án.

Tuy nhiên cũng xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt vì trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo L có bố được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất; gia đình bị cáo L đã khắc phục cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế; có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân chưa có tiền án tiền sự và thực sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đối với bị cáo Lương Văn Kh chỉ cần xử bị cáo mức hình phạt đầu khung là đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo. Đối với bị cáo Vi Thị L áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Vi Thị L mức án dưới khung hình phạt liền kề cũng đủ nghiêm, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện viện kiểm sát và luật sư bào chữa cho bị cáo Lương Văn Kh cho rằng bị hại cũng có lỗi nên không phải bồi thường về trách nhiệm dân sự thì thấy rằng: Mặc dù bị hại đồng ý sang Trung Quốc để làm việc hoặc lấy chồng với một khoản tiền công nhưng xét thấy nhu cầu tìm kiếm việc làm hoặc lấy chồng ở nước ngoài của người phụ nữ là chính đáng và hợp pháp. Các bị cáo đã lợi dụng hoàn cảnh khó khăn, sự hiểu biết pháp luật còn hạn chế của bị hại để lôi kéo, rủ rê và đưa bị hại sang Trung Quốc bán cho người khác làm vợ để lấy tiền hoa hồng. Việc các bị cáo bán bị hại để lấy tiền đã xâm phạm, danh dự nhân phẩm của bị hại. Vì vậy bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền tổn thất về tinh thần là đúng quy định của pháp luật.

Bị hại chị Lữ Thị Q yêu cầu các bị cáo bồi thường 35.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Lương Văn Kh và Vi Thị L đồng ý bồi thường cho bị hại. Vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các bị cáo với bị hại. Chia kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 17.500.000 đồng. Gia đình bị cáo Vi

Thị L đã bồi thường được 3.000.000 đồng, nay bị cáo L còn tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 14.500.000 đồng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Lương Văn Kh, Vi Thị L có hoàn cảnh gia đình khó khăn, phạm tội chưa được hưởng lợi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về án phí: Các bị cáo Lương Văn Kh, Vi Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn Kh, Vi Thị L phạm tội “Mua bán người”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Lương Văn Kh 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2019.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Vi Thị L 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2019.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo Lương Văn Kh và Vi Thị L.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 357; Điều 585; khoản 2 Điều 592 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Lương Văn Kh và Vi Thị L bồi thường cho bị hại chị Lữ Thị Q số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng). Chia kỷ phần bị cáo Lương Văn Kh phải bồi thường cho bị hại số tiền 17.500.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng); bị cáo Vi Thị L phải bồi thường cho bị hại số tiền 17.500.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng), đã bồi thường được 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), còn phải tiếp tục bồi thường 14.500.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lương Văn Kh phải chịu

200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 875.000 đồng (tám trăm bảy lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự; bị cáo Vi Thị L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 725.000 đồng (bảy trăm hai lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự.

4. Các bị cáo Lương Văn Khấn, Vi Thị L, bị hại chị Lữ Thị Q có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Ngọc Anh